

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
XÃ SON CẨM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số Me/BC-UBND

Son Cẩm, ngày 08 tháng 8 năm 2023

## **BÁO CÁO**

### **Công khai số liệu và thuyết minh Quyết toán ngân sách xã Sơn Cẩm năm 2022**

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;*

*Căn cứ Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 25/7/2023 của HĐND xã Sơn Cẩm về việc phê chuẩn quyết toán ngân sách xã Sơn Cẩm năm 2022;*

UBND xã đã chỉ đạo Ban tài chính thực hiện công khai số liệu và thuyết minh Quyết toán ngân sách xã năm 2022 như sau:

#### **I. Công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2022**

##### **1. Nội dung công khai**

Công khai Quyết toán thu chi ngân sách xã năm 2022 theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày 08/8/2023 của UBND xã Sơn Cẩm về việc công khai Quyết toán ngân sách xã năm 2022.

**2. Hình thức công khai:** niêm yết tại trụ sở UBND xã, từ ngày 08/8/2023 và công khai trực tiếp trên trang website của UBND xã Sơn Cẩm <http://soncam.thainguyencity.gov.vn/cong-khai-ngan-sach>

**3. Thời điểm công khai:** Ngày 08/8/2023

#### **II. Thuyết minh dự toán ngân sách nhà nước năm 2022**

##### **1. Phần thu: 15.382.725.799 đồng, trong đó**

- Các khoản xã được hưởng 100%: 103.031.000 đồng
- các khoản hưởng theo tỷ lệ %: 10.072.028.552 đồng
- Thu bổ sung : 527.711.750 đồng

- Thu kế dự ngân sách năm trước: 52.296.742 đồng
- Thu chuyển nguồn: 4.627.657.755 đồng
- Thu kết dư ngân sách: 1.990.186.325 đồng

**2. Phần chi: 13.392.539.474 đồng**

- Chi đầu tư phát triển: 718.500.000 đồng
- Chi thường xuyên 6.350.151.859 đồng
- Chi chuyển nguồn: 6.323.887.615 đồng

Trên đây là báo cáo tình hình công khai và thuyết minh Quyết toán ngân sách xã Sơn Cẩm năm 2022./.

**Nơi nhận:**

- Phòng TC-KH;
- TT ĐU-HĐND xã;
- Lưu: VP.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Sỹ Bình**

**BIÊN BẢN**

**Xác nhận niêm yết công khai Quyết toán thu chi ngân sách  
của UBND xã Sơn Cẩm năm 2022**

Hôm nay, hồi 9 giờ 00 ngày 08 tháng 8 năm 2023, tại UBND xã Sơn Cẩm chúng tôi gồm có:

1. Ông Nguyễn Sỹ Bình - Chủ tịch UBND .
2. Ông Lê Văn Hiến- Chủ tịch UBMTTQ xã
3. Bà Miêu Thị Luyến - Phó chủ tịch HĐND- Chủ tịch công đoàn.
4. Bà Phạm Thị Kiều Lan - Kế toán.
5. Bà Nguyễn Như Nguyệt Hằng - Kế toán.
6. Bà Vũ Thị Lệ Huyền - Văn phòng.

- Chủ tọa: ông Nguyễn Sỹ Bình

- Thư ký: bà Vũ Thị Lệ Huyền

\* **Nội dung:** Xác nhận niêm yết công khai quyết toán thu chi ngân sách của UBND xã Sơn Cẩm năm 2022 với nội dung sau:

- Nội dung niêm yết: Quyết định công khai kèm theo biểu công khai số liệu quyết toán thu chi ngân sách năm 2022 của UBND xã Sơn Cẩm gồm: 116/CKTC-NSNN; 117/CKTC-NSNN; 118/CKTC-NSNN; 119/CKTC-NSNN; 120/CKTC-NSNN.

- Thời gian niêm yết bắt đầu kể từ ngày 08/8/2023 đến hết ngày 08/09/2023.

- Hình thức niêm yết: Dán niêm yết tại trụ sở UBND xã Sơn Cẩm và công khai trên trang thông tin điện tử của UBND xã Sơn Cẩm.

Biên bản lập xong hồi 09h30 cùng ngày, đại diện những người có liên quan cùng thống nhất thông qua./.



Chủ tịch UBMTTQ

Lê Văn Hiến



Chủ tịch Công đoàn

Miêu Thị Luyến

Thư ký

Vũ Thị Lệ Huyền



Chủ tịch UBND xã

Nguyễn Sỹ Bình

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
XÃ SƠN CẨM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 140/QĐ-UBND

Sơn Cẩm, ngày 08 tháng 8 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công khai số liệu quyết toán ngân sách xã Sơn Cẩm năm 2022**

**ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ SƠN CẨM**

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật NSNN;*

*Căn cứ Thông tư 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;*

*Căn cứ Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 25/7/2023 của Hội đồng nhân dân xã Sơn Cẩm về việc phê chuẩn quyết toán ngân sách xã năm 2022;*

*Xét đề nghị của Ban tài chính xã,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công khai số liệu quyết toán ngân sách xã năm 2022 với nội dung cụ thể như sau: (có biểu mẫu chi tiết kèm theo).

**Điều 2.** Ban tài chính có trách nhiệm thực hiện công khai cho các ban ngành đoàn thể sử dụng ngân sách, các đơn vị, bộ phận liên quan biết để tổ chức thực hiện.

**Điều 3.** Văn phòng HĐND và UBND, Ban tài chính, trưởng các ban ngành đoàn thể và các ông (bà) trưởng xóm chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- ĐU-HĐND;
- Phòng TC-KH;
- Như điều 3;
- Lưu: VP.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Sỹ Bình

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
XÃ SON CẨM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số 105/BC-UBND

Son Cẩm, ngày 08 tháng 8 năm 2023

## **BÁO CÁO**

### **Tình hình thực hiện công khai quyết toán thu chi ngân sách năm 2022 được HĐND xã phê chuẩn**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;


Căn cứ Thông tư 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 25/7/2023 của HĐND xã Sơn Cẩm về việc phê chuẩn quyết toán ngân sách xã Sơn Cẩm năm 2022;

UBND xã đã chỉ đạo Ban tài chính thực hiện công khai quyết toán thu chi ngân sách xã năm 2022 và kết quả thực hiện như sau:

- Đã thực hiện công khai quyết toán ngân sách xã năm 2022 theo Quyết định số 140/QĐ-UBND ngày 08 /8/2023 của UBND xã Sơn Cẩm về việc công bố công khai số liệu quyết toán thu, chi ngân sách năm 2022.

- Hình thức công khai: niêm yết tại trụ sở UBND xã, từ ngày 08 /8/2023 đến hết ngày 08 /9/2023.

Trên đây là báo cáo tình hình công khai quyết toán thu chi ngân sách xã Sơn Cẩm năm 2022. 

**Nơi nhận:**

- Phòng TC-KH;
- TT ĐU-HĐND xã;
- Lưu: VP.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Sỹ Bình**

## BẢNG CÂN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

Quyết toán đã được hội đồng nhân dân phê duyệt

Nội dung thu	Quyết toán	Nội dung chi	Quyết toán
Tổng số thu	15.382.725.799	Tổng chi	13.392.539.474
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	103.031.000	I. Chi đầu tư phát triển	718.500.000
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	10.072.028.552	II. Chi thường xuyên	6.350.151.859
III. Thu chuyển nguồn từ năm trước sang ngân sách xã (nếu có)	4.627.657.755	III. Chi chuyển nguồn của ngân sách xã sang năm sau (Nếu có)	6.323.887.615
IV. Thu kết dư ngân sách năm trước	52.296.742	IV. Chi nộp trả ngân sách cấp trên	0
VI. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	527.711.750		
- Bổ sung cân đối ngân sách	0		
- Bổ sung có mục tiêu	527.711.750		
<b>Kết dư ngân sách</b>	<b>1.990.186.325</b>		

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thu từ thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hương và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng có phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã

## QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Năm 2022

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Dự toán		Quyết toán		So sánh (%)	
	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX
A	1	2	3	4	5	6
<b>Tổng số thu</b>	<b>14.985.666.247</b>	<b>14.330.666.247</b>	<b>21.018.708.804</b>	<b>15.382.725.799</b>	<b>140,26</b>	<b>107,34</b>
<b>I. Các khoản thu 100%</b>	<b>98.000.000</b>	<b>98.000.000</b>	<b>103.031.000</b>	<b>103.031.000</b>	<b>105,13</b>	<b>105,13</b>
- Phí, lệ phí	50.000.000	50.000.000	63.881.000	63.881.000	127,76	127,76
- Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác						
- Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
- Thu phạt, tịch thu khác theo quy định	40.000.000	40.000.000	31.150.000	31.150.000	77,88	77,88
- Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
- Đóng góp của nhân dân theo quy định	8.000.000	8.000.000	8.000.000	8.000.000	100	100
- Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
- Thu khác						
<b>II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)</b>	<b>9.680.000.000</b>	<b>9.025.000.000</b>	<b>15.708.011.557</b>	<b>10.072.028.552</b>	<b>162,27</b>	<b>111,6</b>
1. Các khoản thu phân chia	6.190.000.000	6.190.000.000	7.040.320.078	7.040.320.078	113,74	113,74
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	140.000.000	140.000.000	337.368.370	337.368.370	240,98	240,98
- Phí trước bạ đất, ô tô, xe máy	6.050.000.000	6.050.000.000	6.702.951.708	6.702.951.708	110,79	110,79
2. Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	3.490.000.000	2.835.000.000	8.667.691.479	3.031.708.474	248,36	106,94
- Thuế giá trị gia tăng	700.000.000	630.000.000	528.143.030	475.328.769	75,45	75,45
- Thuế thu nhập cá nhân	2.350.000.000	2.115.000.000	2.756.199.668	2.480.579.705	117,29	117,29
- Đất được nhà nước giao			4.987.260.000			
- Thu nhập cá nhân tư hộ	350.000.000		269.422.372		76,98	
- Phí môn bài	90.000.000	90.000.000	75.800.000	75.800.000	84,22	84,22
- Thu tiền chậm nộp thuế			35.201.687			
- Thuế thu nhập từ HĐ cho thuê TS			15.664.722			
<b>III. Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)</b>						
<b>IV. Thu chuyển nguồn</b>	<b>4.627.657.755</b>	<b>4.627.657.755</b>	<b>4.627.657.755</b>	<b>4.627.657.755</b>	<b>100</b>	<b>100</b>
<b>V. Thu kết dư ngân sách năm trước</b>	<b>52.296.742</b>	<b>52.296.742</b>	<b>52.296.742</b>	<b>52.296.742</b>	<b>100</b>	<b>100</b>
<b>VI. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>	<b>527.711.750</b>	<b>527.711.750</b>	<b>527.711.750</b>	<b>527.711.750</b>	<b>100</b>	<b>100</b>
- Bổ sung cân đối ngân sách						
- Bổ sung có mục tiêu	527.711.750	527.711.750	527.711.750	527.711.750	100	100



**QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ**

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Năm 2022

Đơn vị tính: đồng

Khoản mục	Dự toán			Quyết toán			So sánh (%)		
	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9
<b>Tổng chi ngân sách xã</b>	13.498.669.615	718.500.000	12.780.169.615	17.031.369.991	1.437.000.000	15.594.369.991	126,17	200	122,02
<b>A. Chi ngân sách xã đã qua Kho bạc</b>	13.498.669.615	718.500.000	12.780.169.615	17.031.369.991	1.437.000.000	15.594.369.991	126,17	200	122,02
<b>I. Chi đầu tư phát triển</b>				3.638.830.517	718.500.000	2.920.330.517			
1. Chi đầu tư XDCB				3.638.830.517	718.500.000	2.920.330.517			
2. Chi đầu tư phát triển khác									
<b>II. Chi thường xuyên</b>	13.498.669.615	718.500.000	12.780.169.615	13.392.539.474	718.500.000	12.674.039.474	99,21	100	99,17
1. Chi cho công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội	836.452.600		836.452.600	833.102.369		833.102.369	99,6		99,6
- Chi dân quân tự vệ	444.532.600		444.532.600	443.967.660		443.967.660	99,87		99,87
- Chi trật tự an toàn xã hội	391.920.000		391.920.000	389.134.709		389.134.709	99,29		99,29
2. Chi giáo dục									
3. Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ									
4. Chi y tế									
5. Chi văn hóa, thông tin	35.000.000		35.000.000	34.998.000		34.998.000	99,99		99,99
6. Chi phát thanh, truyền hình									
7. Chi thể dục, thể thao	25.000.000		25.000.000	24.996.100		24.996.100	99,98		99,98
8. Chi bảo vệ môi trường									
9. Chi các hoạt động kinh tế	98.460.000		98.460.000	98.335.000		98.335.000	99,87		99,87
- Giao thông	15.000.000		15.000.000	14.875.000		14.875.000	99,17		99,17
- Nông - lâm - thủy lợi - hải sản	83.460.000		83.460.000	83.460.000		83.460.000	100		100
- Thị chính									
- Thương mại, du lịch									
- Các hoạt động kinh tế khác									
10. Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	5.799.914.700	718.500.000	5.081.414.700	5.814.769.690	718.500.000	5.096.269.690	100,26	100	100,29
Trong đó: Quỹ lương				4.087.492.505		4.087.492.505			
10.1. Quản lý Nhà nước	3.541.359.000	718.500.000	2.822.859.000	3.623.955.517	718.500.000	2.905.455.517	102,33	100	102,93
10.2. Hội đồng nhân dân	350.000.000		350.000.000	348.498.998		348.498.998	99,57		99,57







Đơn vị: đồng

Tên công trình	Thời gian KC-HT	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện từ 01/01 đến 31/12/2022	Giá trị đã thanh toán năm 2022		
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân		Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn
						Nguyên cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp, NS xã
<b>I. Công trình chuyển tiếp</b>		<b>19.407.339.032</b>	<b>3.310.560.191</b>	<b>3.975.626.000</b>	<b>2.564.508.000</b>	<b>3.975.626.000</b>	<b>0</b>
		<b>17.885.347.498</b>	<b>3.310.560.191</b>	<b>2.564.508.000</b>	<b>2.564.508.000</b>	<b>2.564.508.000</b>	<b>0</b>
-Cải tạo sửa chữa mái nhà hiệu bộ, NLH và các công trình phụ trợ trường MN Sơn Cẩm (điểm trường), trường tiểu học Sơn Cẩm 2, trường THCS Sơn Cẩm 2, THPTN	2020 2020	1.440.944.000		215.940.000	215.940.000	215.940.000	215.940.000
-Cải tạo nâng cấp đường vào UBND xã Sơn Cẩm, THPTN	2020 2021	4.152.165.975		200.000.000	200.000.000	200.000.000	200.000.000
-Sửa chữa, cải tạo nhà cấp 4, trường tiểu học Sơn Cẩm 3	2021 2021	160.000.000		29.000.000	29.000.000	29.000.000	29.000.000
-Đường bê tông xã Sơn Cẩm năm 2020	2021 2021	6.821.833.995	2.046.550.199	2.067.568.000	2.067.568.000	2.067.568.000	2.067.568.000
-Đường bê tông xã Sơn Cẩm năm 2018	2019 2020	5.310.403.528	1.264.009.992	52.000.000	52.000.000	52.000.000	52.000.000
<b>2. Công trình khởi công mới</b>		<b>1.521.991.534</b>	<b>0</b>	<b>1.411.118.000</b>	<b>1.411.118.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
Cải tạo, sửa chữa phòng trực, bếp ăn của Ban công an xã Sơn Cẩm	2022 2022	571.359.534		500.000.000	500.000.000	500.000.000	500.000.000
Cải tạo, sửa chữa hội trường lớn UBND xã Sơn Cẩm	2022 2022	257.632.000		218.500.000	218.500.000	218.500.000	218.500.000
Quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã và khu dân cư nông thôn xã Sơn Cẩm	2022 2022	693.000.000		692.618.000	692.618.000	692.618.000	692.618.000



UBND Xã Sơn Cẩm  
Mã QHNS: 1079331

**Biểu số 120/CK TC-NSNN**  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 343/2016/TT-BTC  
ngày 30/12/ 2016 của Bộ Tài chính)

### THỰC HIỆN THU, CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Năm 2022

Đơn vị tính: đồng

NỘI DUNG	KẾ HOẠCH			THỰC HIỆN		
	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+)(-)	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+)(-)
<b>A</b>	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>4</b>	<b>5</b>	<b>6</b>
<b>TỔNG SỐ</b>				<b>537.678.400</b>	<b>263.141.200</b>	<b>274.537.200</b>
<b>1. Các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách</b>				<b>537.678.400</b>	<b>263.141.200</b>	<b>274.537.200</b>
+ Quỹ Bảo trợ trẻ em				36.702.000	34.603.700	2.098.300
+ Quỹ Đền ơn Đáp nghĩa				270.505.000	183.761.500	86.743.500
+ Quỹ Người cao tuổi				17.947.000	11.900.000	6.047.000
+ Quỹ chất độc da cam				79.198.000	7.200.000	71.998.000
+ Quỹ nhân đạo				75.348.000	16.035.500	59.312.500
+ Quỹ Y tế				10.455.000		10.455.000
+ Quỹ Vì người nghèo				47.523.400	9.640.500	37.882.900
<b>2. Các hoạt động sự nghiệp</b>						